

CÔNG TY CỔ PHẦN LTTP SAFOCO

Địa chỉ: 7/13-7/25 Kha Vạn Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
QUÝ 3 NĂM 2009****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính :VNĐ

STT	NỘI DUNG	SD CUỐI QUÝ	SD ĐẦU QUÝ
		30/9/09	1/7/09
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	73.284.746.960	63.471.296.211
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	27.813.328.294	23.160.367.493
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu khác	32.572.911.795	31.864.455.298
4	Hàng tồn kho	12.889.233.780	8.436.041.147
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.273.091	10.432.273
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	14.228.420.135	15.281.193.510
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	14.227.910.135	15.280.683.510
	-Tài sản cố định hữu hình	14.227.910.135	15.280.683.510
	-Tài sản cố định vô hình		
	-Tài sản cố định thuê tài chính		
	-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	510.000	510.000
5	Tài sản dài hạn khác		
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	87.513.167.095	78.752.489.721
IV	NỢ PHẢI TRẢ	37.341.480.474	31.926.301.744
	Nợ ngắn hạn	36.872.726.073	31.515.779.218
	Nợ dài hạn	468.754.401	410.522.526
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	50.171.686.621	46.826.187.977
1	-Vốn chủ sở hữu	49.122.366.309	45.776.867.665
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.060.000.000	27.060.000.000
	-Thặng dư vốn cổ phần	40.239.000	40.239.000
	-Vốn khác của chủ sở hữu	2.811.437.613	1.691.437.613
	- Cổ phiếu ngân quỹ		
	-Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	-Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	-Các quỹ	8.415.283.113	9.535.283.113
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.795.406.583	7.449.907.939
	-Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.049.320.312	1.049.320.312
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.049.320.312	1.049.320.312
	-Nguồn kinh phí		
	-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	87.513.167.095	78.752.489.721

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ 3/2009	Lũy kế 2009	QUÝ 3/2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.088.283.255	211.625.107.918	105.344.492.222
2	Các khoản giảm trừ	19.029.508	76.333.866	27.204.686
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.069.253.747	211.548.774.052	105.317.287.536
4	Giá vốn hàng bán	78.316.074.101	173.677.763.761	97.007.788.325
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.753.179.646	37.871.010.291	8.309.499.211
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.143.453.544	2.662.868.764	453.673.433
7	Chi phí tài chính	161.618.743	708.746.505	335.657.680
8	Chi phí bán hàng	5.007.218.039	21.367.095.706	3.372.094.908
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.769.918.173	6.766.848.123	1.084.386.068
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.957.878.235	11.691.188.721	3.971.033.988
11	Thu nhập khác	10.789.044	130.376.473	15.704.728
12	Chi phí khác		46.727.077	
13	Lợi nhuận khác	10.789.044	83.649.396	15.704.728
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.968.667.279	11.774.838.117	3.986.738.716
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	503.168.635	1.494.015.803	558.143.420
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.465.498.644	10.280.822.314	3.428.595.296
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.281	3.799	1.267
18	Cổ tức trên cổ phiếu			

TP.HCM, Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc